ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

SỔ TAY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH KIẾN TRÚC

Thừa Thiên Huế, 2021

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT....1
B. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT....2
C. MỤC TIÊU CỤ THỂ....2
D. CHUẨN ĐẦU RA VÀ TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC....3
E. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI MỤC TIÊU....5
F. THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC....10
G. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....10
H. .MA TRẬN HỌC PHẦN ĐỐI VỚI CHUẨN ĐẦU RA....38
I. NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC HỌC PHẦN....46

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Kiến trúc		
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Architecture		
3. Trình độ đào tạo:	Đại học		
4. Mã ngành đào tạo:	7580101		
5. Tên ngành đào tạo:	Kiến trúc		
6. Khoa quản lý chương trình:	Kiến trúc		
7. Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy định chung của Đại học Huế		
8. Thời gian đào tạo:	5 năm		
9. Loại hình đào tạo:	Chính quy và Vừa làm vừa học		
10. Số tín chỉ yêu cầu tích lũy:	153		
11. Thang điểm:	**Điểm 10**	**Điểm chữ**	**Điểm 4**
	8,5 - 10	A	4
	7,0 - 8,4	B	3
	5,5 - 6,9	C	2
	4,0 - 5,4	D	1
	dưới 4,0	F	0
12. Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ: 153 tín chỉ; - Điểm TBCTL toàn khóa: từ 2,00 trở lên; - Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; - Tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết cho mỗi khối kiến thức; - Có chứng chỉ GDQPAN; - Hoàn thành các học phần GDTC; - Có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản; - Đạt trình độ ngoại ngữ không chuyên bậc 3/6 (B1) hoặc 2/6 (A2) nếu sinh viên là người dân tộc ít người.		
13. Văn bằng tốt nghiệp:	Kiến trúc sư		
14. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:	- Thiết kế công trình, thiết kế bảo tồn, cảnh quan.		

	- Giám sát, thi công công trình - Tư vấn, xây dựng, thẩm định và đánh giá dự án - Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đào tạo, các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các trường đại học liên quan đến chuyên ngành đào tạo.
15. Khả năng nâng cao trình độ:	- Tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ sau đại học để đạt được các văn bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các trường đào tạo Việt Nam và Quốc tế.
16. Chương trình chuẩn tham khảo:	- Đại học Bách Khoa Đà Nẵng - Đại học Kiến trúc Hà Nội - Đại học Kiến trúc TP HCM - Đại học Xây dựng - Đại học Đông Đô

B. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Khoa Kiến trúc –Trường đại học Khoa học –Đại học Huế luôn lấy phương châm đào tạo kiến trúc sư chất lượng cao nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường miền Trung, trên cả nước và quốc tế.

C. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có các kiến thức, kỹ năng và thái độ:

1. Kiến thức

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
PO-1.1	Hiểu và áp dụng các kiến thức về chính trị, xã hội, pháp luật, kinh tế và môi trường để đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội
PO-1.2	Nắm và vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kỹ thuật, mỹ thuật để tiếp thu kiến thức chuyên môn và học tập ở các cấp cao hơn
PO-1.3	Nhận biết các vấn đề thuộc lĩnh vực kiến trúc và xây dựng, hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn vào thiết kế kiến trúc.

2. Kỹ năng

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
PO-2.1	Kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, phân tích và lựa chọn giải pháp phù hợp
PO-2.2	Kỹ năng triển khai, cụ thể hóa ý tưởng, điều chỉnh và cập nhật
PO-2.3	Có khả năng tự học liên tục để phát triển mở rộng và đào sâu chuyên môn

3. Thái độ

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
PO-3.1	Kiên trì, nhiệt tình và say mê công việc, thái độ cầu thị, khả năng thích ứng tốt
PO-3.2	Tác phong làm việc chuyên nghiệp

D. CHUẨN ĐẦU RA VÀ TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

1. Chuẩn về kiến thức

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
1.1.	**Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế**	
PLO-1.1.1	Vận dụng được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống.	3
PLO-1.1.2	Vận dụng được các phương pháp rèn luyện để duy trì và nâng cao sức khỏe (chứng nhận hoàn thành giáo dục thể chất).	3
PLO-1.1.3	Có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh (chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh).	3
PLO-1.1.4	Giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ trong các tình huống thông thường; viết, trình bày báo cáo chuyên môn trong công việc bằng ngoại ngữ (đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc trình độ tương đương theo quy định của Đại học Huế).	3
PLO-1.1.5	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn (đạt chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 13/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).	2
1.2.	**Kiến thức chung trong Trường Đại học Khoa học**	
PLO-1.2.1	Vận dụng được các kiến thức thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm trong công tác chuyên môn.	3
PLO-1.2.2	Hiểu biết cơ bản về pháp luật Việt Nam, sự phân chia các ngành luật và tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay	3
PLO-1.2.3	Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường vào việc giữ gìn và bảo vệ môi trường	3
1.3.	**Kiến thức giáo dục đại cương**	
PLO-1.3.1	Nắm và vận dụng các kiến thức liên quan về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn	3
1.4.	**Kiến thức chung theo lĩnh vực kiến trúc và xây dựng**	
PLO-1.4.1	Hiểu và vận dụng các kiến thức về mỹ thuật, hình học không gian, đặc tính cơ lý của các loại vật liệu, kết cấu	3
1.5.	**Kiến thức chung của nhóm ngành kiến trúc**	
PLO-1.5.1	Hiểu và vận dụng các lý thuyết, nguyên lý về thiết kế và phương pháp	3

	thể hiện kiến trúc, lịch sử kiến trúc	
1.6.	**Kiến thức của ngành kiến trúc**	
PLO-1.6.1	Hiểu và vận dụng tổng hợp các nguyên lý và xu hướng thiết kế trong thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp, nội thất, ngoại thất,bảo tồn di sản	3
PLO-1.6.2	Hiểu và vận dụng tổng hợp các nguyên lý về quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan	3

2. Chuẩn về kỹ năng

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
2.1.	**Kỹ năng chuyên môn**	
PLO-2.1.1	Kỹ năng hình thành ý tưởng, tư duy sáng tạo và cụ thể hóa ý tưởng	3
PLO-2.1.2	Có kỹ năng lập và triển khai hồ sơ thiết kế.	3
PLO-2.1.3	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, nghiên cứu, nâng cao năng lực chuyên môn	3
2.2.	**Kỹ năng mềm**	
PLO-2.2.1	Có kỹ năng hình thành nhóm làm việc hiệu quả, lãnh đạo nhóm, khả năng làm việc trong các nhóm khác nhau;	3
PLO-2.2.2	Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản, khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành để đọc hiểu nội dung chính của vấn đề, diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường;	2
PLO-2.2.3	Kỹ năng sử dụng các phần mềm diễn họa và hỗ trợ trong việc thiết kế và triển khai đồ án.	3

3. Chuẩn về thái độ

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
3.1.	**Phẩm chất, đạo đức và thái độ của cá nhân**	
PLO-3.1.1	Kiên trì, tự tin, say mê công việc	3
3.2.	**Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với nghề nghiệp**	
PLO-3.2.1	Tác phong làm việc chuyên nghiệp và cầu thị.	3
3.3.	**Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với xã hội**	
PLO-3.3.1	Nhân văn, khả năng thích ứng tốt	3

E. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI MỤC TIÊU

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu							
		Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO– 2.1	PO– 2.2	PO– 2.3	PO– 3.1	PO– 3.2
1.									
1.1.									
PLO-1.1.1	Vận dụng được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống.	x							
PLO-1.1.2	Vận dụng được các phương pháp rèn luyện để duy trì và nâng cao sức khỏe (chứng nhận hoàn thành giáo dục thể chất).	x							
PLO-1.1.3	Có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh (chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh).	x							
PLO-1.1.4	Giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ trong các tình huống thông thường; viết, trình bày báo cáo chuyên môn trong công việc bằng ngoại ngữ (đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc trình độ tương đương theo quy định của Đại học Huế).		x						
PLO-1.1.5	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn (đạt chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 13/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).		x						
1.2.	**Kiến thức chung trong trường Đại học Khoa học**								
PLO-1.2.1	Vận dụng được các kiến thức thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm trong công tác chuyên môn.		x						

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu							
		Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO– 2.1	PO– 2.2	PO– 2.3	PO– 3.1	PO– 3.2
PLO-1.2.2	Hiểu biết cơ bản về pháp luật Việt Nam, sự phân chia các ngành luật và tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay	x							
PLO-1.2.3	Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường vào việc giữ gìn và bảo vệ môi trường	x							
1.3.	**Kiến thức giáo dục đại cương**								
PLO-1.3.1	Nắm và vận dụng các kiến thức liên quan về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn		x						
1.4.	**Kiến thức chung theo lĩnh vực kiến trúc và xây dựng**								
PLO-1.4.1	Hiểu và vận dụng các kiến thức về mỹ thuật, hình học không gian, đặc tính cơ lý của các loại vật liệu, kết cấu		x						
1.5.	**Kiến thức chung của nhóm ngành kiến trúc**								
PLO-1.5.1	Hiểu và vận dụng các lý thuyết, nguyên lý về thiết kế và phương pháp thể hiện kiến trúc, lịch sử kiến trúc			x					
1.6.	**Kiến thức của ngành kiến trúc**								
PLO-1.6.1	Hiểu và vận dụng tổng hợp các nguyên lý và xu hướng thiết kế trong thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp, nội thất, ngoại thất,bảo tồn di sản			x					
PLO-1.6.2	Hiểu và vận dụng tổng hợp các nguyên lý về quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan			x					
2.	**Chuẩn về kỹ năng**								

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu							
		Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO– 2.1	PO– 2.2	PO– 2.3	PO– 3.1	PO– 3.2
2.1	**Kỹ năng chuyên môn**								
PLO-2.1.1	Kỹ năng hình thành ý tưởng, tư duy sáng tạo và cụ thể hóa ý tưởng				x				
PLO-2.1.2	Có kỹ năng lập và triển khai hồ sơ thiết kế.					x			
PLO-2.1.3	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, nghiên cứu, nâng cao năng lực chuyên môn						x		
2.2	**Kỹ năng mềm**								
PLO-2.2.1	Có kỹ năng hình thành nhóm làm việc hiệu quả, lãnh đạo nhóm, khả năng làm việc trong các nhóm khác nhau;					x			
PLO-2.2.2	Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản, khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành để đọc hiểu nội dung chính của vấn đề, diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường;				x				
PLO-2.2.3	Kỹ năng sử dụng các phần mềm diễn họa và hỗ trợ trong việc thiết kế và triển khai đồ án.					x			
3.	**Chuẩn về thái độ**								
3.1	**Phẩm chất, đạo đức và thái độ của cá nhân**								
PLO-3.1.1	Kiên trì, tự tin, say mê công việc							x	
3.2	**Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với nghề nghiệp**								

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu							
		Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO– 2.1	PO– 2.2	PO– 2.3	PO– 3.1	PO– 3.2
PLO-3.2.1	Tác phong làm việc chuyên nghiệp và cầu thị								x
3.3	**Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với xã hội**								
PLO-3.3.1	Nhân văn, khả năng thích ứng tốt							x	

F. THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

Thang trình độ năng lực	Mô tả thang trình độ năng lực
1	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua
2	Có thể tham gia và đóng góp
3	Có thể hiểu và giải thích
4	Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai
5	Có thể lãnh đạo hoặc sáng tạo

G. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Số tín chỉ	Phân bố số giờ						Quan hệ với các học phần			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Kiểm tra	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
I	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (33 tín chỉ: 25 tín chỉ bắt buộc, 08/16 tín chỉ tự chọn)**														
1	KTR1013	Hình học hoạ hình 1	x		3	31	13	0	0	0	1			Phương pháp thể hiện kiến trúc	1
2	LLCTTH3	Triết học Mác - Lênin	x		3	31	6	6	0	0	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ ng		Kiến thức chung toàn trường	1

											hĩa xã hội kh oa học			
3	TOA1022	Đại số tuyến tính	x		2	20	8				2				1
4	KTR3052	Cơ học lý thuyết	x		2	15	11				4				2
5	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x		2	21	2	6			1	Tri ết học Má c-Lê nin	Cá c học phầ n thu ộc kh ối kiế n thứ c cơ sở ngà nh	Các học phần thuộ c khối kiến thức giáo dục cơ bản	2
6	KNM1013	Kỹ năng mềm	x		3	10	10	10	15						3
7	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		2	22	2	4			2	Tri ết học Má c-	Cá c học phầ n	Các học phần thuộ c	3

												Lênin và Kinh tế chính trị Mác-Lênin	thuộc khối kiến thức cơ sở ngành	khối kiến thức giáo dục cơ bản	
8	LLCTLS2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x		2	22	2	4			2	Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ	TT ư tưởng Hồ Chí Minh	Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành	4

												ng hĩa xã hội kh oa học			
9	MTR1022	Giáo dục môi trường đại cương	x		2	19	1	9			1				4
10.	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	x		2	15	5	8			2				6
11	LLCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x		2	20	3	5			2	HT riết học Má c-Lê nin , Ki nh tế chí nh trị Má c-Lê nin , Ch ủ ng hĩa xã			7

												hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			
12	KTR1032	Phong thủy trong kiến trúc và quy hoạch		x	2	22	4	4							3
13	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương		x	2	20	2	4	2	0	2				3
14	KTR2062	Tin học ứng dụng		x	2	20	0	2	8			Hình học hoạ hình 1 Phương pháp thể hiệ		Đồ án kiến trúc nhà ở quy mô nhỏ	4

												n kiến trúc Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng			
15	KTR2072	Anh văn chuyên ngành		x	2	18	6	6					Cấu tạo kiến trúc Kiến trú	Kiến trúc nhà công cộng	4

												c nhà ở		
16	KQH2012	Mỹ học đô thị		x	2	15	3	8	2	0	2				2
17	XHH4012	Xã hội học đô thị		x	2	18	2	6	4						2
18	KTR2082	Quản lý đô thị		x	2	18	0	8	2	0	2				8
19	KTR2102	Kinh tế xây dựng		x	2	14	0	14	2				Vật liệu xây dựng, Thi công công trình		8
II	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (130 tín chỉ: 111 tín chỉ bắt buộc, 19/36 tín chỉ tự chọn)**														
a	**Kiến thức cơ sở ngành (22 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 10/18 tín chỉ tự chọn)**														
20	MTH2012	Mỹ thuật 1	x		2	20			10						1
21	MTH2022	Mỹ thuật 2	x		2	20			20						1
22	KTR1022	Hình học họa hình 2	x		2	19	5	5			1	Hình học họa hìn		Phương pháp sáng tác	2

												h 1		Kiến trúc	
23	KTR2022	Sức bền vật liệu	x		2	20	10						Cơ học lý thu yết		3
24	KTR2052	Cơ học kết cấu	x		2	20	5	5					Cơ lý thu yết , Sứ c bền vật liệ u		4
25	KTR2042	Bê tông	x		2	20	6	2			2	Sứ c bền vật liệ u; Vật liệ u xây dự ng			5
26	KTR2032	Kết cấu thép		x	2	24	6						Cơ lý		6

														thuyết, Vật liệu xây dựng, Sức bền vật liệu, Cơ học kết cấu		
27	KTR3112	Kết cấu ứng dụng công nghệ mới		x	2	26	4							Sức bền vật liệu Cơ kết cấu Bê tông		6
28	KTR2012	Vật liệu xây dựng		x	2	18	4	8						Cơ lý	Sức bền	3

												thu yết	vật liệu		
29	KTR3122	Vật liệu nội thất		x	2	22		8				Cơ lý thu yết		3	
30	MTH3012	Mỹ thuật 3		x	2	20			10					4	
31	MTH3022	Mỹ thuật 4		x	2	20			10					4	
32	KTR3132	Công nghệ chuyển đổi số trong kiến trúc		x	2	18	4	6			2			5	
33	KTR3142	Thiết bị kỹ thuật kiến trúc công trình		x	2	22	8							5	
34	KTR3152	Vật lý kiến trúc		x	2	18	2	3	6		2			5	
b	**Kiến thức ngành (78 tín chỉ: 69 tín chỉ bắt buộc, 09/18 tín chỉ tự chọn)**														
35	KTR3023	Phương pháp thể hiện kiến trúc	x		3	9	33	3						1	
36	KTR3013	Phương pháp sáng tác kiến trúc	x		3	30	7	7			1			2	
37	KTR3032	Vẽ ghi	x		2	2	2	2	22		2	Phương pháp thể hiện Kiến trúc		2	

38	KTR3332	Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng	x		2	22	6	2							2
39	KTR3062	Kiến trúc nhà ở	x		2	24		2			4	Phương pháp sáng tác kiến trúc Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng	PP hương pháp sáng tác kiến trúc	Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng	3
40	KTR3113	Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô nhỏ	x		3	30			15			Phương pháp thể hiện kiế			3

												n trúc PP hương pháp Sáng tác Kiến trúc Cấu tạo kiến trúc			
41	KTR3072	Kiến trúc nhà công cộng	x		2	20		8			2				4
42	KTR3123	Đồ án kiến trúc nhà ở quy mô nhỏ	x		3	30			15			Nguyên lý thuyết kế kiến	Nguyên lý thuyết kế kiến		4

													trúc nhà ở Cấu tạo kiến trúc Phương pháp sáng tác kiến trúc Phương pháp thể hiện kiến trú	trúc nhà ở Cấu tạo kiến trúc Phương pháp sáng tác kiến trúc Phương pháp thể hiện kiến trú		

												c.	c.		
43	KTR4021	Đồ án thiết kế nhanh 1	x		1	2		3	10			Phương pháp thể hiện kiến trúc PP hương pháp sáng tác kiến trúc CC ấu tạo kiến trúc			4

												nhà dân dụng HH ình học họa hình 1,2			
44	KTR3082	Kiến trúc nhà công nghiệp	x		2	20	4	6							5
45	KTR3133	Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô trung bình 1	x		3	30				15		nguyên lý thuyết kế công trình dân dụng, đồ án kiến trúc			5

											công cộng quy mô nhỏ.			
46	KTR3213	Lịch sử kiến trúc thế giới	x		3	30	4	9			2				5
47	KTR4033	Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô trung bình 2	x		3	25			15		5	Hình học họa hình; Phương pháp sáng tác kiến trúc; Phương pháp	Kiến trúc nhà Công cộng; Đồ án kiến trúc nhà Công cộng Quy mô	Kiến trúc nhà công nghiệp; Lịch sử kiến trúc thế giới	5

												thể hiện kiến trúc; Cấu tạo kiến trúc; Trang thiết bị kiến trúc	Trung bình 1		
48	KTR3042	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	x		2	20	2	6	1		1				6
49	KTR3092	Nội, ngoại thất kiến trúc			2	20	3	2	2		2	Phương pháp sáng tác	Kiến trúc nhà ở; Kiến	Lịch sử kiến trúc Việt Nam; Lịch	6

												kiến trúc; Phương pháp thể hiện kiến trúc; Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng	trúc nhà Công cộng; Kiến trúc nhà Công nghiệp	sử kiến trúc thế giới	
50	KTR3144	Đồ án Kiến trúc nhà ở cao tầng và khách sạn	x		4	40			20			- Cấu tạo kiến trú			6

													c nhà dân dụng - Kiến trúc nhà ở - Kiến trúc nhà công cộng			
51	KTR3103	Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị	x		3	33	6	6							7
52	KTR4014	Đồ án kiến trúc nhà công cộng không gian lớn có khán giả	x		4	40	4	4	6	2	4	Lý thuyết kiến trúc công trìn			7

												h công cộng, công trình công ngnghiệp, cấu tạo kiến trúc 1 và 2				
53	KTR4022	Kỹ thuật hạ tầng và thiết kế đô thị	x		2	18		8	2		2					7
54	KTR4031	Đồ án thiết kế nhanh 2	x		1	2		3	10			Phương pháp thể hiện kiến				7

												trúc Đồ án thiết kế nhanh 1			
55	KTR3174	Đồ án quy hoạch đô thị	x		4	40			20			Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị			8
56	KTR4023	Đồ án thiết kế đô thị	x		3	30			15			Quy hoạch xây dựng và phá			8

												t triển đô thị				
57	KTR4032	Thi công công trình	x		2	24	2	2		2			Bê tông Kết cấu thép			8
58	KTR4062	Đồ án kiến trúc cảnh quan	x		2	16			10		4		hân tích cảnh quan hoặc Xu hướng thiết kế			8

													kiến trúc cảnh quan			
59	KTR3185	Đồ án kiến trúc công trình tổ hợp đa chức năng	x		5	45			30							9
60	KTR3273	Đồ án Bảo tồn kiến trúc	x		3	30			15			Bảo tồn kiến trúc công trình hoặc Du lịch và Di sản đô thị				9

61	KQH3102	Du lịch và di sản đô thị		x	2	20		4	6			Phương pháp sáng tác kiến trúc Phương pháp thể hiện kiến trúc			7
62	KTR3232	Bảo tồn kiến trúc công trình		x	2	20		4	6			Phương pháp sáng tác kiế			

												n trúc Phương pháp thể hiện kiến trúc			
63	KTR3242	Phân tích cảnh quan			2	20	4	4	1		1	Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị			8
64	KTR4072	Xu hướng thiết kế kiến trúc cảnh quan		x	2	15	3	8	2		2	Quy hoạch			8

												xây dựng và phát triển đô thị			
65	KTR3312	Đồ án nội thất		x	2	16			10		4	Phương pháp sáng tác kiến trúc; Phương pháp thể hiện kiến trúc;	Kiến trúc nhà ở; Kiến trúc nhà Công cộng; Kiến trúc nhà Công ngng hiệ	Đồ án kiến trúc nhà công cộng không gian lớn có khán giả; Quy hoạch xây dựng và phát triển đô	7

												Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng; Nội, ngoại thất kiến trúc	p	thị	
66	KTR3322	Đồ án ngoại thất		x	2	20			10			Phương pháp thể hiện kiến trúc			7

												Phương pháp sáng tác kiến trúc Nội, ngoại thất kiến trúc			
67	KTR4093	Đồ án kiến trúc nhà công nghiệp 1		x	3	30			15			Kiến trúc nhà công nghiệp			6

68	KTR4103	Đồ án kiến trúc nhà công nghiệp 2		x	3	30			15			úc nhà côn g ng hiệ p			6
c	**Kiến thức bổ trợ (02 tín chỉ: 02 tín chỉ bắt buộc, 00/00 tín chỉ tự chọn)**														
69	KTR5022	Chuyên đề kiến trúc	x		2	22	4	2			2				9
d	**Kiến thức thực tập, thực tế (08 tín chỉ: 08 tín chỉ bắt buộc, 00/00 tín chỉ tự chọn)**														
70	KTR3011	Thực tế tổng hợp	x		1	5				10					6
71	KTR3202	Thực tập công trường	x		2	4			26						8
72	KTR4015	Thực tập tốt nghiệp	x		5	10		20		45					9
e	**ĐATN, KLTN hoặc học phần thay thế KLTN (10 tín chỉ: 10 tín chỉ bắt buộc, 00/00 tín chỉ tự chọn)**														
73	KTR3319	Đồ án tốt nghiệp	x		10	50			100						10
	TỔNG CỘNG				**153**										
III	**CÁC CHỨNG CHỈ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**														
1	Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh (*thời gian học 4 tuần*)														
2	Chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên: Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/… bậc 3/6 (B1), dành cho sinh viên bình thường; Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/… bậc 2/6 (A2), dành cho sinh viên thuộc đối tượng dân tộc ít người.														
3	Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản														
4	Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất														

H. .MA TRẬN HỌC PHẦN ĐỐI VỚI CHUẨN ĐẦU RA

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Chuẩn về kiến thức													Chuẩn về kỹ năng						Chuẩn về thái độ		
				PLO-1.1.1	PLO-1.1.2	PLO-1.1.3	PLO-11.4	PLO-1.1.5	PLO-1.2.1	PLO-1.2.2	PLO-1.2.3	PLO-1.3.1	PLO-1.4.1	PLO-1.5.1	PLO-1.6.1	PLO-1.6.2	PLO-2.1.1	PLO-2.1.2	PLO-2.1.3	PLO-2.2.1	PLO-2.2.2	PLO-2.2.3	PLO-3.1.1	PLO-3.2.1	PLO-3.3.1
I	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (33 tín chỉ: 25 tín chỉ bắt buộc, 08/16 tín chỉ tự chọn)**																								
1	KTR1013	Hình học hoạ hình 1	3									3							3						
2	LLCTTH3	Triết học Mác - Lênin	3	3																					
3	TOA1022	Đại số tuyến tính	2			3																			
4	KTR3052	Cơ học lý thuyết	2			3																			
5	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	3																					
6	KNM1013	Kỹ năng mềm	3																	3	3				
7	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3																					
8	LLCTLS2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3																					
9	MTR1022	Giáo dục môi trường đại cương	2								3														

10.	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	2							3															
11	LLCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3																					
12	KTR1032	Phong thủy trong kiến trúc và quy hoạch	2									3													
13	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	2									3													
14	KTR2062	Tin học ứng dụng	2																			3			
15	KTR2072	Anh văn chuyên ngành	2					3																	
16	KQH2012	Mỹ học đô thị	2									3													
17	XHH4012	Xã hội học đô thị	2									3													
18	KTR2082	Quản lý đô thị	2							2	2			3											
19	KTR2102	Kinh tế xây dựng	2							2	3			2											
II	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (130 tín chỉ: 111 tín chỉ bắt buộc, 19/36 tín chỉ tự chọn)**																								
a	**Kiến thức cơ sở ngành (22 tín chỉ: 12 tín chỉ bắt buộc, 10/18 tín chỉ tự chọn)**																								
20	MTH2012	Mỹ thuật 1	2										3				2						2		
21	MTH2022	Mỹ thuật 2	2										3				2						2		
22	KTR1022	Hình học họa hình 2	2									2	3						2						
23	KTR2022	Sức bền vật liệu	2									2	3						3						
24	KTR2052	Cơ học kết cấu	2									2	3						3						

25	KTR2042	Bê tông	2									2	3						3					
26	KTR2032	Kết cấu thép	2									2	3						3					
27	KTR3112	Kết cấu ứng dụng công nghệ mới	2					2					3	3										
28	KTR2012	Vật liệu xây dựng	2									2	3	3										
29	KTR3122	Vật liệu nội thất	2									2	3	3										
30	MTH3012	Mỹ thuật 3	2										3											
31	MTH3022	Mỹ thuật 4	2										3											
32	KTR3132	Công nghệ chuyển đổi số trong kiến trúc	2									3		3					2					
33	KTR3142	Thiết bị kỹ thuật kiến trúc công trình	2									3	3	3					2					
34	KTR3152	Vật lý kiến trúc	2									3	3	3	2				2					
b	**Kiến thức ngành (78 tín chỉ: 69 tín chỉ bắt buộc, 09/18 tín chỉ tự chọn)**																							
35	KTR3023	Phương pháp thể hiện kiến trúc	3											2	3			4				4		
36	KTR3013	Phương pháp sáng tác kiến trúc	3											3	3				4					
37	KTR3032	Vẽ ghi	2											2	3				4				4	2
38	KTR3332	Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng	2									2	2	3	3									
39	KTR3062	Kiến trúc nhà ở	2					3							3				3					

40	KTR3113	Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô nhỏ	3											4	4		4	3	3			3	3	3	2
41	KTR3072	Kiến trúc nhà công cộng	2											3	3				3						
42	KTR3123	Đồ án kiến trúc nhà ở quy mô nhỏ	3											4	4		4	3	3			3	3	3	2
43	KTR4021	Đồ án thiết kế nhanh 1	1											4	4		4	3	3			3	3	3	3
44	KTR3082	Kiến trúc nhà công nghiệp	2										3	3	3				3						
45	KTR3133	Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô trung bình 1	3											4	4		4	3	3			3	3	3	2
46	KTR3213	Lịch sử kiến trúc thế giới	3									3	2	3	3	3			3						
47	KTR4033	Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô trung bình 2	3											4	4		4	3	3			3	3	3	2
48	KTR3042	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	2									3	2	3	3	3			3						
49	KTR3092	Nội, ngoại thất kiến trúc	2										3	3	3										
50	KTR3144	Đồ án Kiến trúc nhà ở cao tầng và khách sạn	4											4	4		4	3	3			3	3	3	2

51	KTR3103	Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị	3											3		3			3					
52	KTR4014	Đồ án kiến trúc nhà công cộng không gian lớn có khán giả	4											4	4		4	3	3			3	3	3	2
53	KTR4022	Kỹ thuật hạ tầng và thiết kế đô thị	2										3	3		3			2					
54	KTR4031	Đồ án thiết kế nhanh 2	1											4	3	3	4	3	3			3	3	3	3
55	KTR3174	Đồ án quy hoạch đô thị	4											4		4	4	3	3	4	3	3	3	3	3
56	KTR4023	Đồ án thiết kế đô thị	3											4		4	4	3	3	4	3	3	3	3	3
57	KTR4032	Thi công công trình	2										3	3											
58	KTR4062	Đồ án kiến trúc cảnh quan	2											4		4	4	3	3	4	3	3	3	3	3
59	KTR3185	Đồ án kiến trúc công trình tổ hợp đa chức năng	5											4	4		4	3	3		3	3	3	3	3
60	KTR3273	Đồ án Bảo tồn kiến trúc	3											4	4		4	3	3	4	3	3	3	3	3
61	KQH3102	Du lịch và di sản đô thị	2									3		3	3				3						
62	KTR3232	Bảo tồn kiến trúc	2									3		3	3				3						

		công trình																							
63	KTR3242	Phân tích cảnh quan	2									3		3	3	3			3						
64	KTR4072	Xu hướng thiết kế kiến trúc cảnh quan	2									3		3	3	3			3						
65	KTR3312	Đồ án nội thất	2											4	4		4	3	3		3	3	3	3	3
66	KTR3322	Đồ án ngoại thất	2											4	4		4	3	3		3	3	3	3	3
67	KTR4093	Đồ án kiến trúc nhà công nghiệp 1	3											4	4		4	3	3		3	3	3	3	3
68	KTR4103	Đồ án kiến trúc nhà công nghiệp 2	3											4	4		4	3	3		3	3	3	3	3
c	**Kiến thức bổ trợ ngành (02 tín chỉ: 02 tín chỉ bắt buộc, 00/00 tín chỉ tự chọn)**																								
69	KTR5022	Chuyên đề kiến trúc	2											2	3	3	3		3	3	3				3
d	**Kiến thức thực tập, thực tế (08 tín chỉ: 08 tín chỉ bắt buộc, 00 tín chỉ tự chọn)**																								
70	KTR3011	Thực tế tổng hợp	1																	2	2	3	3	3	3
71	KTR3202	Thực tập công trường	2																2	2	2	3	3	3	3
72	KTR4015	Thực tập tốt nghiệp	5																2	2	3	3	3	3	3
E	**ĐATN, KLTN hoặc học phần thay thế KLTN (10 tín chỉ: 10 tín chỉ bắt buộc,0/0 tín chỉ tự chọn)**																								
73	KTR3319	Đồ án tốt nghiệp	10										4	4	4	4	4	4	3	3	4	4	4	4	4
III	**CÁC CHỨNG CHỈ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**																								

1	- Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh		3																					
2	- Chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên: (*Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/… bậc 3/6 (B1), dành cho sinh viên bình thường;* *Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/… bậc 2/6 (A2), dành cho sinh viên thuộc đối tượng dân tộc ít người*)				3																			
3	Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản					3																		
4	Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất		3																					

I. NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC HỌC PHẦN

1. KTR1013 - Hình học họa hình 1 - 3

Hình học họa hình 1 là môn học nghiên cứu cách biểu diễn các không gian bằng những yếu tố hình học của một không gian thường có chiều thấp hơn, phổ biến là mặt phẳng, rồi dùng các hình biểu diễn ấy để nghiên cứu không gian ban đầu. Ở đây, việc nghiên cứu dựa trên phương pháp Môngiơ.

2. LLCTTH3 - Triết học Mác - Lênin - 3

Nội dung học phần Triết học Mác-Lênin (03 tín chỉ) được cấu trúc thành 3 chương: chương 1 trình bày khái lược về triết học và triết học Mác-Lênin, vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3. TOA1022 - Đại số tuyến tính - 2

Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính. Nội dung của học phần gồm 4 chương, trình bày về các chủ đề: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, Không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, và chéo hóa ma trận.

4. KTR3052 - Cơ học lý thuyết - 2

- Các khái niệm cơ bản của Cơ học lý thuyết;
- Tĩnh học và hệ tiên đề tĩnh học;
- Lý thuyết hệ lực;
- Các bài toán phẳng của tĩnh học;

5. LLCTKT2 - Kinh tế chính trị Mác – Lênin – 2

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể: Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

6. KNM1013 – Kỹ năng mềm – 3

Học phần Kỹ năng mềm tập trung rèn luyện và phát triển ba kỹ năng cơ bản cho người học: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng thuyết trình và Kỹ năng làm việc nhóm. Các nội dung có tính chất thực hành chiếm thời lượng chủ yếu so với các nội dung có tính chất lý thuyết. - Kỹ năng giao tiếp trình bày các khái niệm về giao tiếp, chức năng và các loại hình giao tiếp, nguyên tắc và chuẩn mực, các nghi thức trong giao tiếp; phân tích, thực hành thông qua hệ thống bài tập tình huống thực tế về các kỹ năng giao tiếp trong trường

học, nơi làm việc, gia đình, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu và mở đầu quá trình giao tiếp, kỹ năng nói và lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi và phản hồi, kỹ năng duy trì và kết thúc quá trình giao tiếp; rèn luyện, thực hành các kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp trong những tình huống cụ thể. - Kỹ năng thuyết trình trình bày các khái niệm, tầm quan trọng và các dạng thức của thuyết trình, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thuyết trình; phân tích, thực hành các bước chuẩn bị thuyết trình; rèn luyện, thực hành kỹ năng tiến hành một bài thuyết trình dựa trên hệ thống các chủ đề và các tình huống có thể xảy ra trong quá trình thuyết trình. - Kỹ năng làm việc nhóm trình bày khái niệm, ý nghĩa của làm việc nhóm, các hình thức nhóm, tiêu chí đánh giá nhóm làm việc hiệu quả; phân tích, thực hành các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm làm việc hiệu quả; rèn luyện, thực hành thông qua hệ thống các bài tập tình huống thực tế về các kỹ năng cần thiết với cá nhân và tổ chức nhóm để giúp nhóm làm việc hiệu quả.

7. LLCTXH2 - Chủ nghĩa xã hội khoa học - 2

Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

8. LLCTLS2 - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam – 2

Nội dung cơ bản của học phần gồm: Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Kết luận: Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.

9. MTR1022 - Giáo dục môi trường đại cương – 2

Học phần bao gồm các nội dung liên quan đến các vấn đề cơ bản của môi trường (khái niệm, chức năng, thành phần môi trường); chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường; tài nguyên thiên nhiên; các hoạt động của con người (du lịch, giao thông, nông nghiệp, công nghiệp) gây ra các tác động có hại đến môi trường; dân số và môi trường; các vấn đề về chất thải rắn liên quan đến môi trường; và biến đổi khí hậu.

10. LUA1012 - Pháp luật Việt Nam đại cương – 2

Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ ngồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà

nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế..

11. LLCTTT2 - Tư tưởng Hồ Chí Minh – 2

Nội dung học phần gồm 6 chương: chương 1, trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 2 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 3 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chương 4 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; chương 5 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; chương 6 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

12. KTR1032 - Phong thủy trong kiến trúc và quy hoạch – 2

- Phong thủy là một khái niệm gắn liền với đời sống con người và được hiểu như là một môn nghệ thuật cân bằng môi trường sống. Phong thủy có khi được xem dưới gốc độ mê tín, tuy nhiên thực tế đã chứng minh đây là bộ môn khoa học có tính tổng hợp trong thiên văn, địa lý, hay nói cách khác là môi trường tương quan giữa tự nhiên và còn người. Học phần Phong thủy nhập môn trước hết cung cấp các khái niệm, thuật ngữ và nguyên tắc cơ bản xoay quanh lĩnh vực phong thủy.

- Trong đời sống hằng ngày, phong thủy có mối quan hệ và ảnh hưởng nhất định đến đời sống con người thông qua các yếu tố tự nhiên hay nhân tạo tồn tại hiện hữu quanh môi trường sống của chúng ta. Chính vì vậy, nghiên cứu vấn đề phong thủy trong quy hoạch, kiến trúc và thiết kế cảnh quan, sân vườn là một trong những nội dung chính của Phong thủy trong kiến trúc và quy hoạch đối với ngành quy hoạch xây dựng. Bên cạnh đó, học phần này còn hướng đến việc phân tích các ví dụ về phong thủy trên thế giới, trong nước cũng như tại địa phương.

- Môn học Phong thủy trong kiến trúc và quy hoạch là lời giải cho những vấn đề chung của phong thủy và những ứng dụng cụ thể trong quy hoạch kiến trúc nhằm xây dựng kiến thức cơ bản, hợp lí, hài hoà trong công tác nghiên cứu về sự phát triển của xã hội loài người và thiên nhiên trong sự phát triển bền vững.

13. LIS1022 - Văn hóa Việt Nam đại cương – 2

Nội dung học phần trang bị kiến thức về văn hoá; làm rõ những khái niệm, thuật ngữ văn hoá, văn minh; những đặc trưng, chức năng của văn hoá, các loại hình văn hoá, cấu trúc của hệ thống văn hoá, mối quan hệ giữa văn hoá và văn minh, văn hoá với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội... Từ đó đi sâu giới thiệu về điều kiện hình thành văn

hoá Việt Nam, về diễn trình phát triển văn hoá trong tiến trình lịch sử, về các vùng văn hoá và những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam.

14. KTR2062 – Tin học ứng dụng – 2

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về phần mềm AutoCad, đây là một phần mềm nổi tiếng, phổ biến và được nhiều người sử dụng nhất trong các phần mềm trợ giúp thiết kế bản vẽ 2 chiều (2D):

- Phần mềm AutoCad là phần mềm thiết kế thông dụng cho các chuyên ngành như cơ khí chính xác, xây dựng, kiến trúc, kỹ thuật môi trường, truyền thông số…. Phần mềm có thể đáp ứng được cho những ý tưởng thiết kế các sản phẩm đồ hoạ trong các lĩnh vực liên quan. AutoCad cung cấp các chế độ vẽ thuận tiện, công cụ quản lý bản vẽ mạnh, làm cho bản vẽ được tổ chức có khoa học; máy tính xử lý nhanh, ít mắc lỗi, và nhiều người có thể tham gia trong quá trình thiết kế.

- Trong tương lai, với tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, phần mềm này sẽ ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

15. KTR2072 – Anh văn chuyên ngành - 2

Môn học Anh văn chuyên ngành kiến trúc nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp học Tiếng Anh trong lĩnh vực kiến trúc. Thông qua môn học này, sinh viên được giới thiệu các thuật ngữ, các khái niệm cơ bản, các tài liệu cập nhật bằng tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kiến trúc. Sinh viên có thể phát triển cả kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ (tiếng Anh) khi được học và đọc các bài khoá, các bài báo, bài viết nguyên bản do các tác giả người nước ngoài viết. Kỹ năng dịch thuật và đọc hiểu của sinh viên được chú trọng và nâng cao. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh như Nghe, Nói, Đọc, Viết trong lớp học và trên thực tế, đặc biệt chú trọng các hình thức trình bày báo cáo, phân tích và bình luận các công trình do các kiến trúc sư hay do chính các sinh viên thiết kế. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể áp dụng phương pháp học tập để tiếp tục tự nghiên cứu và trau dồi kiến thúc cả về chuyên môn và Tiếng Anh.

16. KQH2012 – Mỹ học đô thị - 2

Môn học nghiên cứu chuyên sâu về:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về mỹ học và mỹ học kiến trúc-đô thị và các mối quan hệ giữa quy hoạch, môi trường, hoạt động đô thị với thẩm mỹ đô thị. Phân tích các mối quan hệ tương hỗ giữa những yếu tố trên và vai trò của chúng trong thiết kế nhằm phục vụ cho công tác quy hoạch đô thị.

- Tìm hiểu rõ các lý luận liên quan đến thẩm mỹ trong đô thị giúp sinh viên có thể tiếp cận với các môn học chuyên ngành khác có liên quan. Bổ sung thêm một số kiến thức về thẩm mỹ trong bối cảnh đô thị hiện đại.

17. XHH4012 – Xã hội học đô thị - 2

Học phần cung cấp một số khái niệm và lý thuyết xã hội học đô thị cơ bản nhất cũng như những tri thức về các vấn đề xã hội ở đô thị như phân phối không gian của cư dân đô thị, đô thị hóa, cơ cấu xã hội đô thị, lối sống đô thị, không gian đô thị, quản lý đô thị… Cùng với các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng tạo ấn phẩm video, kỹ năng quan sát, sinh viên thực hành nghiên cứu thực nghiệm, thông qua đó, sinh viên biết cách phát hiện ra các vấn đề của đô thị để tổ chức, thực hiện các nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một ấn phẩm video.

18. KTR2082 – Quản lý đô thị - 2

Học phần Quản lí đô thị cung cấp những lý luận cơ bản về quản lý áp dụng ở đô thị, bao gồm khái quát chung về đô thị và Đô thị hoá ở Việt Nam; Phương hướng, chính sách, biện pháp phát triển và quản lí đô thị ở Việt Nam; Những vấn đề chủ yếu của quản lí nhà nước về quy hoạch xây dựng, đất đai, nhà ở, hệ thống hạ tầng, môi trường đô thị; kinh tế - xã hội, dân số, lao động, việc làm ở đô thị.

19. KTR2102 – Kinh tế xây dựng – 2

Nội dung học phần KTXD được biên soạn theo đề cương của chương trình cải cách do Hội đồng môn học ngành xây dựng thông qua, sẽ giới thiệu những vấn đề chung nhất về các điều lệ, quy chế về quản lý đầu tư và xây dựng, về vốn đầu tư và hiệu quả của vốn đầu tư. Nội dung cũng đề cập đến việc đánh giá hiệu quả của việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất xây dựng, đồng thời phân tích và so sánh các phương án thiết kế xây dựng trên quan điểm kinh tế. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn đi vào phân tích và sử dụng hiệu quả các yếu tố chi phí sản xuất như vốn cố định, vốn lưu động và lực lượng lao động.

20. MTH2012 – Mỹ thuật 1 – 2

Học phần này có các nội dung chính:

Lý thuyết về tỷ lệ người thông qua các mẫu tượng, cách dựng hình, các thể hiện các chất liệu: bút chì; bút sắt và mực nho.

+ Vẽ tượng đầu tròn (Chất liệu chì, bút sắt)

+ Vẽ tượng bán thân (Diễn tả 2 chất liệu: bút sắt và mực nho)

+ Vẽ tượng toàn thân (Bút sắt)

+ Vẽ tượng phù điêu (Mực nho)

+ Vẽ kết hợp 2 tượng (Mực nho)

+ Bài thi kết thúc học phần chất liệu mực nho tượng toàn thân và đầu tượng

Nội dung học của môn học:

+ Các bước dựng hình về khối tĩnh vật

+ Các bước dựng hình của tượng tròn, tỷ lệ tượng đặt trưng của từng mẫu tượng. Dựng hình phải đi từ tổng thể đến chi tiết để phân mãng

+ Giới thiệu tượng đầu, các loại đầu tượng từ trẻ đến già, cách đựng hình, đo, tỷ lệ, phân mảng sáng tối. sự liên kết của khối của tượng đầu tượng và cách đánh chì

+ Giới thiệu tỷ lệ tượng bán thân, cách đo vẽ, phân mãng. Giới thiệu cách vẽ chất liệu bút sắt và cả mực nho.

+ Giới thiệu tỷ lệ tượng toàn thân, cách đo, dựng hình và dùng các dụng cụ vẽ, phân mảng sáng tối.

21. MTH2022 – Mỹ thuật 2 – 2

Học phần này có các nội dung chính:

- Lý thuyết:

+Khái niệm mỹ thuật trang trí

+Vai trò của trang trí trong nghệ thuật và đời sống

+Tính dân tộc và tính hiện đại

+Một số thể loại trang trí

- Màu sắc và sắc độ màu (Bài tập luyện màu; vòng màu và sắc độ màu)

- Bố cục với sự biến thiên của màu.

- Vẽ tĩnh vật phức tạp nhiều chi tiết

- Cách điệu hoa lá, muôn thú.

- Trang trí các hình cơ bản: hình vuông; tròn; chữ nhật; tam giác và diềm tường theo chủ đề.

- Trang trí bố cục có nội dung quảng cáo nước giải khát trái cây, tranh cổ động phòng chống tệ nạn học đường và phòng chống dịch covid 19.

- Bài thi kết thúc học phần: Quảng cáo sản phẩm được thể hiện trên bố cục 25cm x25cm, thể hiện chất liệu bột màu.

22. KTR1022 – Hình học họa hình 2 – 2

Hình học họa hình 2 là môn học nghiên cứu cách biểu diễn các không gian bằng những yếu tố hình học của một không gian thường có chiều thấp hơn, phổ biến là mặt phẳng, rồi dùng các hình biểu diễn ấy để nghiên cứu không gian ban đầu thông qua phương pháp vẽ phối cảnh.

23. KTR2022 - Sức bền vật liệu – 2

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngoại lực và nội lực xuất hiện trong hệ kết cấu đơn giản khi chịu tác dụng của các loại tải trọng khác

nhau. Những vật thể được khảo sát trong giáo trình này bao gồm các thanh chịu kéo (hoặc nén) đúng tâm, các dầm chịu uốn, các trục chịu xoắn. Mục đích việc phân tích các kết cấu cơ bản kể trên là việc xác định các ứng suất, biến dạng và chuyển vị gây ra bởi tải trọng. Ngoài ra qua môn học này sinh viên còn hiểu biết về sự ứng xử cơ học của vật liệu thiết yếu cho việc tính toán thiết kế an toàn cho mọi kết cấu trong các ngành kỹ thuật xây dựng và cơ khí

24. KTR2052 - Cơ học kết cấu – 2

Đây là môn khoa học bán thực nghiệm thuộc khối kỹ thuật cơ sở. Mục đích của môn học là cung cấp cho sinh viên những kiến thức tính toán căn bản về độ bền, độ cứng và độ ổn định của công trình trên nền các môn học cơ lý thuyết, sức bền vật liệu... để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến các khâu thiết kế, chế tạo và phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo như kết cấu bê tông cốt thép, kết cấu thép... Đặc biệt môn học giúp cho sinh viên kiến trúc có kiến thức cơ bản về kết cấu công trình, tránh được các sơ đồ phi kết cấu.

25. KTR2042 – Bê tông – 2

Kết cấu bê tông cốt thép là loại kết cấu sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực của ngành xây dựng, loại kết cấu được dùng nhiều nhất trong các loại kết cấu của ngành xây dựng hiện nay, đặc biệt với các công trình dân dụng. Kiến thức về kết cấu bê tông cốt thép là cần thiết cho mọi kỹ sư, kiến trúc sư, cán bộ kỹ thuật xây dựng.

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tính năng cơ lý của vật liệu BTCT, sự làm việc của các cấu kiện BTCT, các nguyên lý tính toán và cấu tạo các kết cấu BTCT cơ bản.

26. KTR2032 – Kết cấu thép – 2

Kết cấu thép là loại kết cấu sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực của ngành xây dựng, loại kết cấu quan trọng trong nền xây dựng hiện đại, đặc biệt với các công trình công nghiệp. Kiến thức về kết cấu thép là cần thiết cho mọi kỹ sư, kiến trúc sư, cán bộ kỹ thuật xây dựng.

Học phần trang bị các khái niệm về các đặc trưng hình học, ngoại lực nội lực, cường độ ứng suất; giới thiệu tiêu chuẩn TCVN 5574-2012 Kết cấu thép- Tiêu chuẩn thiết kế; các phương pháp tính toán kết cấu thép: trạng thái giới hạn (TTGH) gồm TTGH thứ nhất: mất khả năng chịu lực hoặc không còn sử dụng được, TTGH thứ hai: không còn sử dụng bình thường được. Tính toán các liên kết hàn, đinh tán, bulông, tính toán cấu tạo các cấu kiện chịu kéo nén, cấu kiện chịu uốn,…

27. KTR3112 - Kết cấu ứng dụng công nghệ mới – 2

Môn học giới thiệu cho sinh viên thêm những kiến thức cơ bản về một số loại kết cấu khác để vận dụng trong thiết kế kiến trúc.

28. KTR2012 - Vật liệu xây dựng – 2

Nội dung học phần VLXD được biên soạn theo đề cương của chương trình cải cách do Hội đồng môn học ngành xây dựng thông qua, sẽ giới thiệu những vấn đề chung nhất, phân tích những cơ sở lí thuyết của mối tương quan giữa thành phần, cấu trúc và tính chất với các giải pháp công nghệ thích hợp để đạt được những chỉ tiêu tính chất yêu cầu của từng loại vật liệu xây dựng.

Nội dung học phần được biên soạn để phù hợp với những lí thuyết mới về vật liệu xây dựng và tiếp cận với nền khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới hiện nay.

29. KTR3122 – Vật liệu nội thất – 2

Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về nguyên lý cấu tạo một số loại vật liệu cơ bản dùng trong nội thất. Tổng quan về vật liệu nội thất, phân loại, đặc tính, công dụng và nguyên tắc sử dụng của chúng trong thiết kế nội thất kiến trúc.

Môn học còn đưa ra các phương pháp nâng cao chất lượng một số loại vật liệu nội thất cũng như công năng sử dụng và việc vận dụng một cách có hiệu quả trong các công trình xây dựng kiến trúc.

30. MTH3012 – Mỹ thuật 3 -2

- Nắm bắt nội dung cơ bản về bố cục khối trong không gian, giá trị nghệ thuật sắp đặt về hình dáng màu sắc chất liệu hình thành ý tưởng tạo hình mang tính đặt trưng của kiến trúc cảnh quan hiện đại.

- Đánh giá thông qua cách trình bày ý tưởng sắp đặt từ màu sắc, bố cục mang tính chất trang trí cho công trình nội ngoại thất kiến trúc công cộng, cộng đồng.

Nội dung chi tiết học phần:

- Giới thiệu môn học
- Định nghĩa bố cục tạo hình.
- Các ngành nghệ thuật có sử dung bố cục tạo hình.
- Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình
- Cơ sở của bố cục, các dạng bố cục và tính chất của chúng
- Tạo hình kiến trúc là gì?
- Vai trò của việc tạo hình trong sáng tác kiến trúc
- Kích thước kiến trúc, tỉ lệ vàng trong kiến trúc
- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tạo hình kiến trúc
- Đề tài: Bố cục không gian kiến trúc

31. MTH3022 – Mỹ thuật 4 -2

-Đối với học phần này, sinh viên sẽ được học thực hành tại lớp, tìm hiểu và giao nhiệm vụ các bài tập thực hành thông qua trong 12 tiết giảng lý thuyết, được phân chia trong từng tuần học. Còn lại hầu hết thời gian học phần là sự quá trình làm việc trao đổi,

thảo luận, và hướng dẫn giữa sinh viên với giảng viên hướng dẫn bài tập theo từng sinh viên để bài thực hành của sinh viên được tốt hơn.

Học phần Điêu khắc, sinh viên sẽ được Học lý thuyết và thực hành tại lớp,giáo viên giảng lý thuyết cách thể hiện, duyệt bài và giao nhiệm vụ cách thể hiện làm khuông đổ thạch cao trước khi sinh viên làm bai điêu khắc.

Nội dung chi tiết học phần

- Giới thiệu các thể loại tranh hoành tráng trên thế giới, Việt Nam.

- Phân tích các thể loại tranh hoành tráng trong kiến trúc công cộng, tượng đài của Việt nam.

- Thể hiện: Tranh kính, tranh gép gốm theo thể loại tranh hoành tráng có nội dung bắt buột.

- Chép đầu tượng

- Bố cục khối

- Tượng đài

32. KTR3132 - Công nghệ chuyển đổi số trong kiến trúc – 2

Công nghệ trong kiến trúc không chỉ từ thiết kế mà từ giai đoạn khảo sát đến theo dõi vận hành sản phẩm công trình, Quy trình này chúng ta sẽ thường nghe đến khái niệm BIM (Building information management/ Quản lý thông tin công trình) và IoT. Chuyển đổi số trong kiến trúc yêu cầu sinh viên nắm được các yếu tố cơ bản kỹ thuật của kiến trúc, hiểu được các giải pháp số hóa trước khi thực hiện công tác chuyển đổi số. Mục tiêu của chuyển đổi số là đồng bộ dữ liệu , kết nối IoT để thu thập dữ liệu lớn và từ đó việc vận hành giám sát công trình sẽ được tự động hóa, tối ưu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu thiết kế, vận hành công trình và đáp ứng nhu cầu sử dụng cho người sử dụng.

33. KTR3142 - Thiết bị kỹ thuật kiến trúc công trình - 2

Môn học Thiết bị kỹ thuật kiến trúc công trình là hệ thống nhiều ngành thiết bị kỹ thuật (Thiết bị cấp thoát nước công trình, điện chiếu sáng, điện trang trí, hệ thống PCCC, điều hòa, thông gió, thông tin, thang máy, ...). Mỗi ngành thuộc phạm trù kỹ thuật chuyên ngành riêng nhưng tựu trung là những thiết bị, công nghệ gắn kết hữu cơ để đáp ứng nhu cầu và hiệu quả sử dụng công trình tốt nhất. Toàn bộ hệ thống đó dựa trên công nghệ và cấu trúc thiết bị được thiết kế gắn kết với thiết kế kiến trúc tạo thành một mạng lưới hệ thống không gian kỹ thuật trong công trình sao cho đảm bảo quy trình lắp đặt, vận hành bảo dưỡng ...Đạt tiêu chuẩn, yêu cầu kiến trúc và kỹ thuật.

34. KTR3152- Vật lý kiến trúc – 2

Vật lý kiến trúc là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những đặc điểm liên quan đến nhiệt ẩm, âm thanh và ánh sáng của các thành phần kiến trúc công trình (mặt đứng, mái, cửa sổ, vách ngăn…), không gian phòng, các công trình và nhóm công trình

kiến trúc. Mối quan tâm chủ yếu của nó là nhu cầu về nhiệt, âm và chiếu sáng tự nhiên của người sử dụng. Vật lý kiến trúc bị ràng buộc bởi những nhu cầu của công trình phải tạo ra môi trường tiện nghi bên trong bảo vệ con người chống lại những tác động bất lợi của điều kiện khí hậu, đồng thời tận dụng những ưu thế mà điều kiện khí hậu có thể mang lại. Như vậy thiết kế kiến trúc dựa trên cơ sở nghiên cứu vật lý kiến trúc là tìm kiếm những giải pháp liên quan đến nhiệt, âm và chiếu sáng để kiến trúc có thể thích ứng với điều kiện khí hậu ở mức độ cao nhất và tạo ra môi trường tiện nghi cho các hoạt động sống của con người. Trên thế giới, việc ứng dụng những thành tựu của vật lý kiến trúc để tạo ra những công trình kiến trúc vừa độc đáo vừa đảm bảo tiện nghi cho người sử dụng ngày càng được chú trọng. Trong khi đó ở Việt Nam đây là lĩnh vực còn ít được quan tâm nghiên cứu hoặc chỉ được vận dụng ở mức độ khá hạn chế. Trong bối cảnh gia tăng nhu cầu tiết kiệm năng lượng và sử dụng các nguồn năng lượng tái sinh, việc khai thác các lợi thế và hạn chế những bất lợi của điều kiện khí hậu ở mức độ cao nhất để tạo ra các công trình kiến trúc bền vững và thân thiện với môi trường là hướng đi tất yếu của nền kiến trúc Việt Nam.

35. KTR3023 - Phương pháp thể hiện kiến trúc – 3

Học phần Phương pháp Thể hiện Kiến trúc là môn học giúp cho sinh viên nắm vững và nâng cao khả năng thể hiện bản vẽ kỹ thuật xây dựng cũng như có thể lựa chọn những cách thể hiện khác nhau trong thể hiện bản vẽ. Đây là học phần bắt buộc mà bất cứ sinh viên kiến trúc nào cũng phải trãi qua vì học phần này luôn được sử dụng không chỉ trong suốt thời gian học tập ở trường đại học mà còn trong khoảng thời gian hành nghề.

Trong phạm vi giáo trình, học phần này tập trung chủ yếu ở phần thực hành và bài tập trên lớp và cả ở nhà để giúp sinh viên nắm vững mọi kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc và phương pháp thể hiện bản vẽ kỹ thuật xây dựng.

36. KTR3013- Phương pháp sáng tác kiến trúc – 3

- Nội dung của học phần bao gồm: các khái niệm về kiến trúc và sáng tác kiến trúc; các giai đoạn của quá trình sáng tác thiết kế kiến trúc; các yếu tố cơ sở của thiết kế kiến trúc và vận dụng các yếu tố này trong quá trình sáng tác thiết kế kiến trúc; các vấn đề cơ bản trong thiết kế kiến trúc; những quy luật cơ bản của cảm nhận thị giác; các thành phần cơ bản trong ngôn ngữ tạo hình kiến trúc, và cơ sở thiết kế bố cục tạo hình.

- Qua môn học giúp sinh viên bước đầu lĩnh hội được các khái niệm về kiến trúc, không gian kiến trúc, ngôn ngữ hình thức kiến trúc, các quy luật của quá trình tạo hình, sáng tác kiến trúc. Vận dụng có hiệu quả bước vào sáng tác đồ án môn học.

37. KTR3032 – Vẽ ghi - 2

Đây là một môn thực hành đầu tiên của sinh viên năm thứ nhất về việc khảo sát đánh giá ghi chép lại một công trình kiến trúc nên việc chọn các thể loại công trình để khảo sát có quy mô vừa không quá lớn: như các công trình kiến trúc cổ nhỏ, các loại nhà ở hoặc những công trình công cộng nhỏ khác.

Môn học giúp sinh viên thể hiện các kỹ năng thể hiện một hồ sơ kiến trúc, các quy định trong việc tổng hợp một hồ sơ kiến trúc đầy đủ theo quy định.

Ngoài ra còn giúp sinh viên biết cách khảo sát đánh giá thực địa một cách tốt nhất trong quá trình khảo sát.

38. KTR3332 - Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng - 2

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cấu tạo kiến trúc công trình, lịch sử phát triển xây dựng công trình kiến trúc và những bài học về nguyên tắc cấu tạo công trình.

- Cụ thể hơn, học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc chung về cấu tạo các loại nhà từ đơn giản đến phức tạp, các chi tiết cấu tạo móng, thân, mái và các bộ phận khác.

39. KTR3062 - Kiến trúc nhà ở - 2

Nội dung của học phần bao gồm:

+ Khái niệm và phân loại kiến trúc nhà ở, sơ lược quá trình phát triển của kiến trúc nhà ở qua các thời kỳ.

+ Các cơ sở khoa học của việc nghiên cứu thiết kế kiến trúc nhà ở: trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến việc thiết kế kiến trúc nhà ở: cơ sở về điều kiện tự nhiên, cơ sở về xã hội nhân văn, cơ sở về văn hóa truyền thống, cơ sở về kinh tế kỹ thuật.

+ Tổ chức không gian kiến trúc nhà ở: hệ thống không gian khu ở, các loại không gian trong một căn hộ ở và mối quan hệ giữa các loại không gian trong căn hộ ở , các yêu cầu cơ bản đối với việc thiết kế căn hộ hiện đại.

+ Khái niệm về Kiến trúc nhà ở thấp tầng và các yêu cầu thiết kế cơ bản đối với thể loại kiến trúc nhà ở thấp tầng.

+ Khái niệm Kiến trúc nhà ở nhiều tầng và các yêu cầu thiết kế cơ bản đối với thể loại kiến trúc nhà ở nhiều tầng.

+ Những vấn đề cơ bản trong thiết kế kiến trúc nhà ở.

40. KTR3113 - Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô nhỏ - 3

Đối với học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận, tìm hiểu và giao nhiệm vụ đồ án, tham quan công trình thực tế cùng thể loại. Hầu hết thời gian học phần là sự quá trình làm việc trao đổi, thảo luận, và hướng dẫn giữa sinh viên với giảng viên hướng dẫn đồ án theo từng nhóm.

Sinh viên phải tự tìm tòi, sáng tạo và đáp ứng yêu cầu về tiến độ đồ án Giữa học phần, sinh viên sẽ có một buổi kiểm tra tiến độ bằng một bài thiết kế nhanh đồ án của mình. Cuối học phần, các sinh viên sẽ phải thể hiện đồ án và lấy làm điểm kiểm tra học phần.

41. KTR3072 – Kiến trúc nhà công cộng - 2

- Học phần trang bị những nguyên lý cơ bản về thiết kế kiến trúc công trình công cộng.

- Học phần nghiên cứu khái niệm về công trình công cộng; Các nguyên tắc cơ bản để thiết kế công trình công cộng và mối quan hệ giữa các công trình công cộng trong mạng lưới quy hoạch; Các nguyên lý bố cục mặt bằng; Việc lựa chọn các giải pháp kết cấu phù hợp với không gian sử dụng của công trình công cộng. Ngoài ra học phần còn đề cập đến các vấn đề kinh tế kỹ thuật trong thiết kế công trình công cộng; Các tiêu chuẩn thiết kế các bộ phận trong công trình công cộng.

42. KTR3123 - Đồ án kiến trúc nhà ở quy mô nhỏ - 3

Cho sinh viên làm quen với việc thiết kế kiến trúc nhà ở, trước hết là các loại nhà ở qui mô nhỏ, thấp tầng thông dụng , phổ biến trong các đô thị hiện nay: Nhà ở Biệt thự, nhà ở Liên kế .

Qua đồ án sinh viên phải nắm vững được dây chuyền, sơ đồ công năng và các nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc trong thiết kế nhà ở qui mô nhỏ, cũng như những yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật trong việc tạo dựng một ngôi nhà ở, một không gian sống tiện nghi.

Nắm vững được các tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc nhà ở dạng thấp tầng, qui mô nhỏ: Biệt thự đơn lập, biệt thự song lập, nhà liên kế, nhà phố liên kế, nhà liên kế có sân vườn...

43. KTR4021 - Đồ án thiết kế nhanh 1 – 1

Đồ án thiết kế nhanh T1 là môn học thiết kế đồ án trong thời gian quy định nhằm phát huy tốt kỹ năng phân tích, sáng tạo, tìm ý và phương pháp thể hiện 1 đồ án kiến trúc cơ sở. Thông qua môn học này giáo viên sẽ có đánh giá chính xác được trình độ, kỹ năng của từng sinh viên.

44. KTR3082 – Kiến trúc nhà công nghiệp - 2

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản chung về thiết kế kiến trúc công nghiệp: quy hoạch khu công công nghiệp, phân loại, bố cục chung, kỹ thuật công nghệ, tổ chức không gian nhà xưởng,...

Tìm hiểu rõ nguyên tắc thiết kế một số loại nhà công nghiệp thông dụng trong thức tế để sinh viên có thể tiếp cận với đồ án kiến trúc công nghiệp.

Cung cấp một số nguyên tắc chính nhằm áp dụng tiêu chuẩn, qui phạm, kỹ thuật, nội dung thiết kế. Nắm vững các khái niệm, phân loại, các nguyên tắc thiết kế xí nghiệp công nghiệp, nắm bắt các nguyên tắc giải pháp thiết kế trong quy hoạch các cụm công nghiệp tập trung; cung cấp các kiến thức về thiết kế mặt bằng xí nghiệp công nghiệp, khu trước nhà máy, các thiết bị kỹ thuật có liên quan.; Nắm vững trình tự, yêu cầu, quy cách thiết kế các loại nhà công nghiệp 1 tầng, nhiều tầng (thiết kế mặt bằng, mặt cắt ngang, các hình thức kết cấu vật liệu, ưu khuyết điểm, phạm vi ứng dụng).

45. KTR3133 - Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô trung bình 1 – 3

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp sáng tác và thiết kế các thể loại công trình kiến trúc công cộng quy mô trung bình. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các chức năng. Nắm vững các nguyên lý, các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn thiết kế, các cách thức tổ hợp các khối chức năng chính. Đề xuất các giải pháp kết cấu phù hợp với chức năng sử dụng và hình thức kiến trúc, điều kiện kinh tế và môi trường xung quanh. Khai thác và đề xuất các đặc trưng của khu đất xây dựng để tổ chức hợp lý các chức năng bên trong và bên ngoài công trình phù hợp với đặc thù riêng của từng thể loại công trình và đặc điểm khu đất xây dựng.

Sinh viên sẽ được làm quen với cách thức thiết kế 3 thể loại công trình kiến trúc công cộng sau: Nhà hàng, Nhà trẻ-mẫu giáo và Trường tiểu học.

46. KTR3213 - Lịch sử kiến trúc thế giới – 3

Học phần Lịch sử kiến trúc thế giới cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về sự hình thành, phát triển và đặc điểm kiến trúc của các nền văn minh trên thế giới từ thời kỳ công xã nguyên thủy đến thế kỷ XX; Đặc trưng kiến trúc, những công trình tiêu biểu của các trào lưu, phong cách kiến trúc trên thế giới.

47. KTR4033 - Đồ án kiến trúc nhà công cộng quy mô trung bình 2 – 3

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp sáng tác và thiết kế các thể loại công trình kiến trúc công cộng quy mô trung bình. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các chức năng. Nắm vững các nguyên lý, các thông số kỹ thuật, cách vẽ và yêu cầu đối với công trình công cộng. Các cách thức tổ hợp các khối chức năng chính - phụ, thể hiện được sự biện chứng giữa chức năng và hình thức. Đề xuất các giải pháp kết cấu phù hợp với chức năng sử dụng; Hình thức kiến trúc - điều kiện kinh tế - môi trường xung quanh. Khai thác và đề xuất các đặc trưng của khu đất xây dựng để tổ chức hợp lý các chức năng bên trong và bên ngoài công trình, phù hợp với đặc thù riêng của từng thể loại công trình

Qua đồ án này sinh viên sẽ được làm quen với cách thức thiết kế 4 thể loại công trình kiến trúc công cộng quy mô trung bình: Câu lạc bộ, Rạp chiếu phim, Bảo tàng, Thư viện.

48. KTR3042 - Lịch sử kiến trúc Việt Nam – 2

Giúp cho sinh viên nắm vững tiến trình phát triển kiến thức kiến trúc Việt Nam gắn liền với các giai đoạn lịch sử. Thông qua đó hiểu được giá trị tinh hoa của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam, nhằm kế thừa và phát huy trong sáng tác kiến trúc. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để nhận biết, đánh giá được đặc điểm kiến thức các thời kỳ trong lịch sử kiến trúc Việt Nam cũng như các loại hình của kiến trúc truyền thống tương ứng. Qua đó sinh viên tìm hiểu được công năng, nghệ thuật của chất liệu gỗ và các vật liệu dân gian truyền thống Việt Nam.

Những công trình kiến trúc nghệ thuật được xây dựng trong thời đại phong kiến trải qua hàng chục thế kỉ, trên cơ sở một nước nông nghiệp lạc hậu, phát triển chậm và có nhiều biến cố lịch sử - đến ngày nay tuy còn lại không nhiều nhưng vẫn là dấu tích cụ thể ghi lại chặng đường sáng tạo và lao động nghệ thuật của ông cha chúng ta. Dưới ánh sáng đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh, với nỗ lực nghiên cứu tìm tòi của các ngành văn hoá – nghệ thuật và khoa học xã hội hữu quan như lịch sử, khảo cổ, dân tộc học v.v… Chúng ta có nhiệm vụ và cần thiết tìm hiểu, kế thừa để phát huy những tinh hoa truyền thống nghệ thuật dân tộc để xây dựng nền văn hoá – nghệ thuật Việt Nam dân tộc hiện đại XHCN.

49. KTR3092 - Nội, ngoại thất kiến trúc – 2

Đối với học phần này, sẽ có hai phần: Nội thất và Ngoại thất, sinh viên sẽ được tiếp cận lần lượt từng phần một. Phần Nội thất sẽ đưa đến cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích của nội thất, kiến thức về không gian nội thất; Kiến thức về lịch sữ nghệ thuật nội thất; Những yêu cầu đối với nội thất phải có, cũng như các phương pháp ứng dụng để thiết kế nội thất. Phần Ngoại thất sẽ đưa đến cho sinh viên những kiến thức về cảnh quan, cách tổ chức cảnh quan, một số nghệ thuật vườn trên thế giới cũng như các nguyên lý về bố cục không gian của ngoại thất.

50. KTR3144 - Đồ án Kiến trúc nhà ở cao tầng và khách sạn – 4

- Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về thiết kế khách sạn và nhà ở cao tầng (với số tầng cao từ 15 tầng trở lên); giải quyết tốt mỗi quan hệ giữa chức năng ở, thương mại và các dịch vụ công cộng khác.

- Nắm vững cách thức tổ hợp nhiều khối chức năng khác nhau trong một công trình kiến trúc cụ thể. Đề xuất giải pháp kết cấu cao tầng phù hợp với chức năng sử dụng và hình thức kiến trúc, điều kiện kinh tế và môi trường xung quanh. Khai thác các đặc trưng của khu đất xây dựng để tổ chức được công nghệ hoạt động hợp lý giữa chức năng bên trong trong và bên ngoài của công trình phù hợp với đặc thù riêng của từng thể loại công trình và đặc điểm khu đất xây dựng.

- Qua đồ án này sinh viên sẽ được làm quen với cách thức thiết kế 2 loại công trình cao tầng tiêu biểu: nhà ở gia đình cao tầng và khách sạn.

51. KTR3103 - Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị - 3

- Có thể nói đô thị là một sản phẩm tiến bộ nhất của xã hội loài người, thể hiện trình độ văn minh và phát triển về kinh tế, xã hội và các điều kiện khác của từng khu vực và từng quốc gia trên thế giới.

- Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị là một môn khoa học tổng hợp thuộc nhiều lĩnh vực xã hội, nhân văn, kinh tế, địa lí, kĩ thuật và nghệ thuật. Nhiệm vụ và mục đích của vấn đề quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị là "Tổ chức không gian đô thị".

- Môn học quy hoạch xây dựng phát triển đô thị là lời giải cho những vấn đề chung của đô thị và những giải pháp cụ thể nhằm xây dựng một đô thị hợp lí, hài hoà giữa sự phát triển của xã hội loài người và thiên nhiên trong sự phát triển bền vững.

52. KTR4014 - Đồ án kiến trúc nhà công cộng không gian lớn có khán giả - 4

- Nắm vững nguyên tắc thiết kế kiến trúc các công trình công cộng không gian lớn có khán giả để tiếp cận các đồ án có công năng phức tạp khác.

- Làm quen với dạng công trình công cộng có kết cấu đặc biệt vượt khẩu độ lớn và dây chuyền sử dụng phức tạp. Sinh viên cần nắm vững giải pháp kết cấu không gian lớn.

- Nắm vững các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật chuyên ngành; nguyên tắc tổ chức dây chuyền công năng trong một công trình công cộng có quy mô lớn và phức tạp.

- Các đề tài chính trong đồ án này là nhà thi đấu thể dục thể thao, bể bơi có mái, nhà hát kịch, cung văn hóa, cung thể thao. Sinh viên nắm vững những nguyên tắc thiết kế công trình công cộng, công nghiệp và cấu tạo kiến trúc trước khi học đồ án này.

53. KTR4022 - Kỹ thuật hạ tầng và thiết kế đô thị - 2

Cung cấp kiến thức về mục tiêu, đối tượng, nội dung và các xu hướng của thiết kế đô thị; Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về hạ tầng kĩ thuật đô thị: Mạng lưới giao thông đô thị; Thiết kế mặt cắt ngang đường, Thiết kế tuyến đường; Thiết kế nút giao thông, Hệ thống giao thông công cộng và các công trình, thiết bị phục vụ cho việc tổ chức giao thông.

54. KTR4031 - Đồ án thiết kế nhanh 2 – 1

Đồ án thiết kế nhanh T2 là môn học thiết kế đồ án trong thời gian quy định nhằm phát huy tốt kỹ năng phân tích, sáng tạo, tìm ý và phương pháp thể hiện một đồ án kiến trúc cơ sở. Thông qua môn học này giáo viên sẽ có đánh giá chính xác được trình độ, kỹ năng nhanh và nhạy cảm của từng sinh viên trong việc phát thảo ý tưởng kiến trúc.

55. KTR3174 - Đồ án quy hoạch đô thị - 4

Đồ án Quy hoạch đô thị, là phần tiếp theo của môn lý thuyết Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị nhằm phần cụ thể hoá lý thuyết áp dụng cho thực tế quy hoạch một đô thị. Vì đây là môn học thực hành nên các nội dụng của học phần phải gắn liền với thực tiễn, trên phương diện tiếp cận các công trình đã được xây dựng, nhiệm vụ thiết kế được đưa ra trên cơ sở nhu cầu thực tế. Đồ án được chia thành hai phần: phần thứ nhất là tìm ý tưởng và triển nội dung ý tưởng; phần thứ hai là triển khai chi tiết và kỹ thuật.

56. KTR4023 - Đồ án thiết kế đô thị - 3

Đồ án Thiết kế đô thị một trục phố hay một cụm đô thị với quy mô nhỏ là phần tiếp theo của môn Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị. Người học được định hướng bước đầu tìm hiểu, phân tích và đánh giá hiện trạng một không gian đô thị có quy mô nhỏ, từ đó đưa ra ý tưởng giải pháp quy hoạch và trình bày đồ án dưới dạng bản vẽ và sa bàn kiến trúc.

57. KTR4032 - Thi công công trình – 2

Trong học phần này, sinh viên được giới thiệu những công tác về đất, cách thi công, tính toán khối lượng đào đắp, công tác đóng cọc, cừ, công tác cốp pha, cốt thép, công tác đổ bê tông, công tác lắp ghép cấu kiện. Sau khi đã được học những biện pháp KTTC, sinh viên sẽ được hướng dẫn nghiên cứu về TCTC công trình XD, lập tiến độ (ngang, dây chuyền, sơ đồ mạng).

58. KTR4062 - Đồ án kiến trúc cảnh quan – 2

Đồ án giúp sinh viên thực hành những phần đã được học ở môn lý thuyết Phân tích cảnh quan trong thiết kế thực tế. Tổ chức thiết kế kiến trúc cảnh quan trong đô thị. Công trình thiết kế là những loại hình cảnh quan bao gồm: vườn, công viên, tiểu cảnh trong trung tâm thành phố, quảng trường (có vị trí giao thông thuận lợi, điểm nút của trung tâm thành phố, trước một công trình có tính chất văn hóa, lịch sử, di tích của thành phố,…). Công trình kiến trúc cảnh quan (khu tưởng niệm, cảnh quan một khu ở, một tổ hợp kiến trúc đặt ở đường phố quy hoạch…).

59. KTR3185 - Đồ án kiến trúc công trình tổ hợp đa chức năng - 5

Giới thiệu môn học Đồ án tổng hợp với các thể loại công trình tổ hợp đa chức năng quy mô lớn có tính phức tạp. Phân tích dưới mọi góc độ và yêu cầu cao phức tạp từ mặt kỹ thuật, công nghệ, cấu trúc, nghệ thuật bố cục tạo hình, nghệ thuật phân khu-xử lý không gian chức năng, tổ hợp kiến trúc công trình và quy hoạch đô thị... đến tính hiệu quả công năng sử dụng tổ hợp và tính hiệu quả kinh tế công trình.

Trên cơ sở yêu cầu từng thể loại đồ án kết hợp với mục tiêu môn học trang bị và ôn lại, tổng kết toàn bộ kiến thức chuyên ngành đã học, nâng cao kiến thức, phương pháp nghiên cứu tiếp cận, kỹ năng kỹ thuật triển khai các bước thiết kế một đồ án tổng hợp, quy mô lớn phức tạp và yêu cầu kỹ thuật, giá trị kinh tế, giá trị sử dụng, giá trị nghệ thuật, giá trị quy hoạch đô thị và xã hội cao...Qua sản phẩm thiết kế và quá trình thực hiện, từ đó thẩm định tiêu chuẩn và năng lực yêu cầu tư cách của một sinh viên chuyển tiếp tốt nghiệp trở thành kiến trúc sư.

60. KTR3273 - Đồ án Bảo tồn kiến trúc – 3

Đối với học phần này, hầu hết thời gian là quá trình làm việc trao đổi, thảo luận, và hướng dẫn giữa sinh viên (hoặc nhóm sinh viên) với giảng viên hướng dẫn đồ án (mỗi nhóm gồm 3-5 sinh viên).

Đây là phần cụ thể hoá học phần Lý thuyết bảo tồn kiến trúc/ Du lịch và di sản đô thị áp dụng cho thực tế bảo tồn. Nội dung học phần phải gắn liền với thực tế bảo tồn di sản, đặc biệt là quần thể di sản kiến trúc trong phạm vi tỉnh Thừa Thiên Huế.

61. KQH3102 - Du lịch và di sản đô thị - 2

Di tích lịch sử- văn hóa là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa dân tộc. đối với ngày nay di tích lịch sử văn hóa được coi như mang một sứ mệnh tinh thần của thời quá khứ là bằng chứng sinh động của truyền thống đã có từ hàng ngàn thế kỷ của dân tộc.di

tích không chỉ là một sản phẩm vật chất mà còn là một sản phẩm tinh thàn của một dân tộc.

Bảo tồn trùng tu các di tích kiến trúc là môn khoa học hiện đại, trên thế giới đặc biệt ở các nước tiên tiến, cho đến nay họ đã xây dựng các nguyên tắc và các quy định trong việc phát huy giá trị và bảo vệ di tích, thu được khá nhiều bkinh nghiệm thông qua công tác bảo tồn các di tích lịch sử giới kiến trúc sư và các chuyên gia về kỹ thuật đã tổng kết những nguyên tắc chung về trùng tu các di tích thể hiện qua các Hiến chương và Công ước của ICOMOS.

Du lịch là một trong những phương tiện hàng đầu để trao đổi văn hóa, giúp con người trải nghiệm những gì quá khứ để lại. Du lịch góp phần trong quảng bá, bảo vệ di sản văn hóa. Tuy nhiên ở một mặt nào đó, du lịch có thể tác động, phá hủy di sản. Vì vậy, du lịch cần được phát triển theo hướng tôn trọng, phát huy giá trị di sản văn hóa theo đúng tinh thần của Công ước quốc tế về du lịch văn hóa 1999.

62. KTR3232 - Bảo tồn kiến trúc công trình – 2

Di tích lịch sử- văn hóa là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa dân tộc. đối với ngày nay di tích lịch sử văn hóa được coi như mang một sứ mệnh tinh thần của thời quá khứ là bằng chứng sinh động của truyền thống đã có từ hàng ngàn thế kỷ của dân tộc. Di tích không chỉ là một sản phẩm vật chất mà còn là một sản phẩm tinh thần của một dân tộc.

Bảo tồn trùng tu các di tích kiến trúc là môn khoa học hiện đại. Cho đến n ay, trên thế giới đặc biệt ở các nước tiên tiến đã xây dựng các nguyên tắc và các quy định trong việc phát huy giá trị và bảo vệ di tích. Qua đó, các nước đã thu được khá nhiều kinh nghiệm thông qua công tác bảo tồn các di tích lịch sử. Giới kiến trúc sư và các chuyên gia về kỹ thuật đã tổng kết những nguyên tắc chung về trùng tu các di tích thể hiện qua hai bản hiến chương Athena năm 1931 và hiến chương Venice năm 1964.

63. KTR3242 - Phân tích cảnh quan – 2

Bao gồm những kiến thức cơ bản chung về cảnh quan, kiến trúc cảnh quan, thiết kế kiến trúc cảnh quan. Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển kiến trúc cảnh quan qua các thời kì trên thế giới và cảnh quan Việt Nam, các yếu tố cấu thành kiến trúc cảnh quan, về địa hình địa mạo, về kiến trúc công trình, cây xanh mặt nước và về các thể loại trang trí khác. Phân tích các mối quan hệ tương hỗ giữa những yếu tố trên và vai trò của chúng trong thiết kế cảnh quan.

64. KTR4072 - Xu hướng thiết kế kiến trúc cảnh quan – 2

- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ sở về cảnh quan và kiến trúc cảnh quan, trong đó nhấn mạnh các xu hướng thiết kế cảnh quan. Phân tích đặc trưng của các xu hướng thiết kế kiến trúc cảnh quan từ cổ đại đến hiện đại trên cơ sở phục vụ cho công tác quy hoạch, thiết kế đô thị.

- Tìm hiểu rõ các nguyên tắc thiết kế kiến trúc cảnh quan trong thực tế để học viên có thể tiếp cận với đồ án cảnh quan, đồ án kiến trúc và đồ án quy hoạch. Bổ sung thêm một số kiến thức về tầm nhìn, điểm thụ cảm và các dạng bố cục kiến trúc cảnh quan.

- Tổ chức, xây dựng 1 hồ sơ đồ án thiết kế kiến trúc cảnh quan đô thị.

65. KTR3312 - Đồ án nội thất – 2

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp sáng tác, thiết kế và triển khai bản vẽ kỹ thuật các thể loại nội thất công trình. Làm rõ được sự biện chứng giữa kiến trúc và nội thất. Tiến đến hoàn thiện các không gian kiến trúc thông qua thiết kế chi tiết nội thất. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các chức năng và thẩm mỹ, giữa vật liệu và kỹ thuật. Nắm vững các nguyên lý, các thông số kỹ thuật về gia cụ, cách thể hiện bản vẽ thi công nội thất (hồ sơ bản vẽ thi công bao gồm cả chi tiết nội thất…).

Qua đồ án này sinh viên sẽ được làm quen với cách thức thiết kế các thể loại nội thất dân dụng khác nhau, bao gồm các công trình: công công, nhà ở, dịch vụ…

66. KTR3322 - Đồ án ngoại thất – 2

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp sáng tác, thiết kế và thể hiện các thể loại ngoại thất công trình. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kiến trúc và ngoại thất. Tiến đến hoàn thiện các không gian bên ngoài kiến trúc thông qua thiết kế chi tiết ngoại thất. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các chức năng và thẩm mỹ, giữa vật liệu và kỹ thuật. Nắm vững các nguyên lý, các thông số kỹ thuật về vật dụng ngoại thất, cách thể hiện bản vẽ thi công ngoại thất (hồ sơ bản vẽ thi công bao gồm cả chi tiết ngoại thất…).

- Qua đồ án này sinh viên sẽ được làm quen với cách thức thiết kế các thể loại ngoại thất dân dụng khác nhau; bao gồm các công trình công công, nhà ở, dịch vụ…

67. KTR4093 - Đồ án kiến trúc nhà công nghiệp 1 -3

Đồ án Kiến trúc Công nghiệp, là phần tiếp theo của học phần Lý thuyết công nghiệp. Đây là phần cụ thể hoá lý thuyết áp dụng cho thực tế thiết kế xí nghiệp công nghiệp và nhà máy công nghiệp. Vì đây là môn thực hành, nên nội dung của học phần phải gắn liền với thực tế. Trên phương diện tiếp cận các nhà máy và xí nghiệp công nghiệp đã xây dựng thực tế, nhiệm vụ thiết kế được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tế.

Đồ án được chia làm hai phần: phần thứ nhất tập trung vào việc tìm ý tưởng và triển khai nội dung ý tưởng, phần thứ hai là sự đi sâu vào triển khai chi tiết và kỹ thuật.

68. KTR4103 - Đồ án kiến trúc nhà công nghiệp 2 – 3

Đồ án Kiến trúc Công nghiệp 2, là phần tiếp theo của học phần Lý thuyết công nghiệp. Đây là phần cụ thể hoá lý thuyết áp dụng cho thực tế thiết kế xí nghiệp công nghiệp và nhà máy công nghiệp. Vì đây là môn thực hành, nên nội dung của học phần

phải gắn liền với thực tế. Trên phương diện tiếp cận các nhà máy và xí nghiệp công nghiệp đã xây dựng thực tế, nhiệm vụ thiết kế được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tế.

Đồ án được chia làm hai phần: phần thứ nhất tập trung vào việc tìm ý tưởng và triển khai nội dung ý tưởng, phần thứ hai là sự đi sâu vào triển khai chi tiết và kỹ thuật.

69. KTR5022 - Chuyên đề kiến trúc – 2

Nhà công cộng là một trong những loại hình công trình phổ biến và không thể thiếu trong cấu trúc công trình hạ tầng xã hội. nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao đối với các loại hình nhà công cộng để đáp ứng và cải thiện chất lượng cuộc sống của con người là một quá trình tất yếu.

Chuyên đề 1 sẽ giới thiệu và phân tích từ cơ bản đến chuyên sâu về lịch sử, xu hướng phát triển loại nhà công cộng qua việc giới thiệu một số nhà công cộng nổi tiếng trên thế giới. Trên cơ sở đó so sánh đối chiếu với thực trạng xây dựng và sử dụng nhà công cộng tại Việt Nam và tại Huế để đưa ra các giải pháp định hướng phù hợp.

Chuyên đề 2 sẽ giới thiệu về các kỹ thuật xây dựng tiên tiến và các loại vật liệu mới có tính thẩm mỹ, thân thiện với môi trường được áp dụng đối với một số công trình kiến trúc trên thế giới. Từ đó đưa ra các giải pháp, kỹ thuật áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam.

70. KTR3011 - Thực tế tổng hợp – 1

- Tổ chức đi thực tế các địa phương mang đặt thù nền kiến trúc khác nhau về cảnh quan, kiến trúc....

- Tham quan dã ngoại, bằng tác nghiệp cộng sự nhóm tập thể qua các hoạt động đặc tính nghề nghiệp, các thủ pháp nghiệp vụ, thu thập thông tin, tài liệu, vẽ ghi, ghi hình, biên tập tài liệu,...về các tác phẩm kiến trúc đặc sắc, tiêu biểu của các vùng miền, các di sản kiến trúc, các thắng cảnh thiên nhiên,...theo các chuyên đề phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Qua đó thực hiện các bài tiểu luận chuyên đề, tổ chức seminar thảo luận nhanh theo hướng phân tích - lý luận - phê bình kiến trúc.

- Cách tiếp cận các thể loại Kiến trúc thực tế tại một số địa phương miền Trung VN phong phú và đa dạng, từ đó SV tìm hiểu rõ văn hóa từng vùng miền khác nhau để nhận thức đúng lối kiến trúc địa phương để có định hướng và ý tưởng tốt làm đồ án tốt nghiệp sau này.

71. KTR3202 - Thực tập công trường – 2

Giới thiệu học phần Thực tập công trường với những yêu cầu của môi trường thực tế tại nơi đến thực tập cả về mặt chuyên môn, chuẩn bị tư tưởng, kỷ luật, an toàn lao động mang tính đặc thù nghề nghiệp xây dựng tại công trường.

Dưới sự hướng dẫn, quản lí, phân công của giáo viên, kiến trúc sư, kỹ sư, cán bộ đơn vị đến thực tập, người học thực hiện khối lượng công việc chuyên môn được giao (có

thể từng hạng mục, cấu kiện hoặc các vấn đề tổng thể ... liên quan từ thiết kế đến giải pháp tổ chức thi công và hoàn thành công trình, hạng mục, cấu kiện ...trên mọi công đoạn thực thi thực tế hành nghề) và hoàn thành đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ sở và chương trình thực tập đặt ra.

Trên cơ sở thực tập, nghiên cứu, thực hiện khối lượng công việc trong quá trình thực tập, người học làm báo cáo thực tập có kèm theo khối lượng công việc được sự chứng thực và đánh giá của người hướng dẫn, quản lí của đơn vị đến thực tập và nộp vào cuối đợt thực tập theo đúng thời gian quy định.

72. KTR4015 - Thực tập tốt nghiệp – 5

Giới thiệu học phần Thực tập tốt nghiệp với những yêu cầu của môi trường thực tế tại nơi đến thực tập cả về mặt chuyên môn, chuẩn bị tư tưởng, các yêu cầu kỷ luật lao động mang tính đặc thù hành nghề theo quản lí xưởng thiết kế.

Dưới sự hướng dẫn, quản lí, phân công của giáo viên, kiến trúc sư, kỹ sư, cán bộ đơn vị đến thực tập, người học thực hiện khối lượng công việc được giao một phần hoặc toàn bộ mọi công đoạn và mọi lĩnh vực liên quan đến chuyên môn nghề nghiệp (thiết kế, lập và quản lí dự án, tư vấn, thẩm định, giám sát , nghiệm thu thiết kế...) và hoàn thành đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ sở và chương trình thực tập đặt ra.

Trên cơ sở thực tập, nghiên cứu, thực hiện khối lượng công việc trong quá trình thực tập, người học làm báo cáo thực tập có kèm theo khối lượng công việc được sự chứng thực và đánh giá của người hướng dẫn, quản lí của đơn vị đến thực tập và nộp vào cuối đợt thực tập theo đúng thời gian quy định.

73. KTR3319 – Đồ án tốt nghiệp – 10

Đồ án tốt nghiệp là đồ án cuối khoá học trong chương trình đào tạo Kiến trúc sư. Đây là phần kiến thức tổng hợp, được thể hiện thông qua việc nghiên cứu, thiết kế kiến trúc công trình ở các lĩnh vực như: kiến trúc công trình dân dụng, kiến trúc công trình công nghiệp, bảo tồn kiến trúc công trình, thiết kế đô thị, lý luận phê bình kiến trúc. Người học được chọn đề tài và tiếp cận thực tế thông qua các đề tài thuộc các dự án. Bên cạnh đó người học tự xây dựng nhiệm vụ thực hiện đồ án dựa trên cơ sở thực tế của từng thể loại kiến trúc công trình. Nội dung đồ án được triển khai trong hai phần đó là phần thiết kế sơ bộ và phần chi tiết, kỹ thuật của kiến trúc công trình được nghiên cứu.